

**BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG**

**1. Diễn biến xu thế mực nước:**

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông: Mực nước cao nhất ngày tại các trạm tiếp tục xuống trong 1-2 ngày đầu, sau đó lên lại theo triều; mực nước thấp nhất ngày biến đổi chậm trong 1-2 ngày tới, sau đó xuống chậm.
- Nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày trên các kênh, rạch trong khu vực biến đổi chậm trong 1-2 ngày đầu, sau đó lên chậm.

**2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 27/5 đến 31/5/2022**

| STT | Trạm       | sông, kênh, rạch    | Cấp báo động (m) |       |        | Đặc trưng | Mực nước thực đo (m) |                     |             | Mực nước dự báo (m) |       |       |       |       |
|-----|------------|---------------------|------------------|-------|--------|-----------|----------------------|---------------------|-------------|---------------------|-------|-------|-------|-------|
|     |            |                     | BĐ I             | BĐ II | BĐ III |           | 26/5                 | So với cùng kỳ 2021 | So với TBNN | 27/5                | 28/5  | 29/5  | 30/5  | 31/5  |
| 1   | Tân Châu   | Tiền                | 3.50             | 4.00  | 4.50   | Max       | 1.44                 | 0.05                | 0.42        | 1.40                | 1.37  | 1.38  | 1.41  | 1.45  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.09                 | 0.27                | 0.07        | 0.14                | 0.17  | 0.15  | 0.10  | 0.03  |
| 2   | Chợ Mới    | Ông Chưởng          | 2.00             | 2.50  | 3.00   | Max       | 1.36                 | -0.04               | 0.41        | 1.32                | 1.29  | 1.32  | 1.36  | 1.40  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | -0.15                | 0.17                | 0.22        | -0.10               | -0.07 | -0.09 | -0.14 | -0.21 |
| 3   | Khánh An   | Hậu                 | 4.20             | 4.70  | 5.20   | Max       | 1.49                 | 0.30                | 0.49        | 1.46                | 1.44  | 1.42  | 1.40  | 1.43  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.57                 | 0.31                | 0.30        | 0.54                | 0.53  | 0.49  | 0.44  | 0.37  |
| 4   | Châu Đốc   | Hậu                 | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max       | 1.52                 | 0.04                | 0.49        | 1.48                | 1.45  | 1.46  | 1.50  | 1.55  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.01                 | 0.20                | 0.12        | 0.06                | 0.09  | 0.07  | 0.02  | -0.05 |
| 5   | Long Xuyên | Hậu                 | 1.90             | 2.20  | 2.50   | Max       | 1.44                 | -0.09               | 0.37        | 1.40                | 1.37  | 1.40  | 1.45  | 1.50  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | -0.20                | 0.17                | 0.29        | -0.15               | -0.12 | -0.14 | -0.19 | -0.26 |
| 6   | Vàm Nao    | Vàm Nao             | 2.50             | 2.90  | 3.30   | Max       | 1.42                 | -0.05               | 0.41        | 1.38                | 1.35  | 1.37  | 1.41  | 1.46  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | -0.10                | 0.16                | 0.15        | -0.05               | -0.02 | -0.04 | -0.09 | -0.16 |
| 7   | Xuân Tô    | Vĩnh Tế             | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max       | 0.42                 | -0.33               | 0.08        | 0.40                | 0.39  | 0.41  | 0.44  | 0.49  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.16                 | -0.49               | 0.08        | 0.13                | 0.11  | 0.10  | 0.12  | 0.14  |
| 8   | Vĩnh Gia   | Vĩnh Tế             | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max       | 0.35                 | -0.33               | 0.11        | 0.22                | 0.21  | 0.23  | 0.26  | 0.31  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.18                 | -0.44               | -0.02       | 0.14                | 0.12  | 0.15  | 0.17  | 0.20  |
| 9   | Tri Tôn    | Tri Tôn             | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max       | 0.39                 | -0.32               | 0.06        | 0.36                | 0.34  | 0.36  | 0.39  | 0.44  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.14                 | -0.34               | 0.04        | 0.10                | 0.08  | 0.11  | 0.13  | 0.16  |
| 10  | Cô Tô      | Tri Tôn             | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max       | 0.59                 | -0.22               | 0.29        | 0.51                | 0.49  | 0.52  | 0.56  | 0.60  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.36                 | -0.31               | 0.17        | 0.32                | 0.30  | 0.33  | 0.35  | 0.38  |
| 11  | Lò Gạch    | Tám Ngàn            | 1.70             | 2.10  | 2.50   | Max       | 0.34                 | -0.26               | 0.16        | 0.23                | 0.21  | 0.24  | 0.28  | 0.31  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.17                 | -0.33               | 0.06        | 0.13                | 0.11  | 0.14  | 0.16  | 0.19  |
| 12  | Vọng Thê   | Ba Thê              | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max       | 0.67                 | -0.22               | 0.20        | 0.62                | 0.60  | 0.63  | 0.67  | 0.70  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.46                 | -0.29               | 0.16        | 0.42                | 0.40  | 0.43  | 0.44  | 0.42  |
| 13  | Vĩnh Hanh  | Núi Chóc Nặng Gù    | 1.90             | 2.30  | 2.70   | Max       | 0.89                 | -0.22               | 0.25        | 0.83                | 0.81  | 0.84  | 0.88  | 0.92  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.44                 | -0.24               | 0.14        | 0.40                | 0.38  | 0.41  | 0.42  | 0.40  |
| 14  | Núi Sập    | Rạch Giá Long Xuyên | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max       | 0.63                 | -0.24               | 0.10        | 0.58                | 0.56  | 0.59  | 0.63  | 0.66  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.39                 | -0.29               | 0.04        | 0.35                | 0.33  | 0.34  | 0.35  | 0.33  |

**3. Cảnh báo (nếu có):**

**4. Ghi chú:**

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 27/5/2022  
Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt  
Huỳnh Nguyễn Khánh Loan